

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31/8/2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Long và ông Chu Minh Đức.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2022/TLST – HNGĐ ngày 19/7/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT: Thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh B).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị H trình bày:**

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Phạm Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2011 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B ham chơi, không chịu làm ăn dẫn đến kinh tế khó khăn; chị khuyên

bảo nhưng anh B vẫn không chịu sửa đổi. Do kinh tế gia đình khó khăn nên khoảng giữa năm 2015 chị đi làm ăn trên Hà Nội, vợ chồng không còn quan hệ với nhau. Đến tết cổ truyền 2016 chị về, được gia đình hai bên khuyên bảo nên chị ở lại nhà chung sống cùng anh B. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ chung sống đến khoảng tháng 5/2016 thì lại phát sinh mâu thuẫn do không bảo ban được nhau. Chị đi làm tại Khu công nghiệp Đ; thuê nhà sống cùng con tại thị xã D; từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Mặc dù sau đó vợ chồng có gặp nhau vài lần nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống.

**\* Về quan hệ con chung:** Chị và anh B có 01 con chung là cháu Phạm Quang H1, sinh ngày 30/10/2011; hiện tại cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và chị không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị. Chị xác định hiện chị làm công nhân, lương khoảng 12 triệu đồng/tháng; mặc dù nhà ở đi thuê nhưng đủ để hai mẹ con ở, đồng thời hiện cháu H1 hiện đang học tại thị xã D từ lớp mẫu giáo đến nay.

**\* Về quan hệ tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Phạm Văn B trình bày:**

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2011 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng sáu năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do buôn bán thua lỗ nhưng không biết bảo ban động viên nhau vượt qua khó khăn mà lại thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra chị H còn có quan hệ ngoại tình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 8/2017, chị H mang con đến thị xã D sinh sống; từ đó vợ chồng sống ly thân. Mặc dù vợ chồng có gặp nhau vài lần nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung để về chung sống với nhau. Nay chị H kiện ly hôn, anh xác định vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn; nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng chịu vì không biết làm cách nào khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ.

**\* Về quan hệ con chung:** Anh và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Quang H1, sinh ngày 30/10/2011; hiện tại cháu đang ở với chị H. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị H góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng anh. Anh xác định hiện anh làm công nhân tự do, lương khoảng 12 triệu đồng/tháng; nếu được nuôi con anh sẽ đưa con về nhà bố mẹ sống.

**\* Về quan hệ tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nghĩa vụ chung về tài**

**sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Tại phiên tòa,** chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh B. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh B phải góp tiền cấp nuôi con cho chị. Về tài sản, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh B không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh B vắng mặt theo quy định của pháp luật.

**[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:**

\* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H. Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Quang H1, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 cho chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**I. Về tố tụng:** Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn – anh Phạm Văn B có đăng ký HKTT và cư trú tại thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị H; bị đơn – anh Phạm Văn B chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn; do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét thấy anh B đã đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **II. Về giải quyết vụ án:**

**[1] Về hôn nhân:** Chị Lê Thị H và anh Phạm Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh B ở thôn S, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thua lỗ nhưng không biết bảo ban, động viên nhau vượt qua khó khăn. Bên cạnh đó anh B nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình; từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 6/2016; chị H mang con đến thị xã D, tỉnh Hà Nam thuê nhà ở, không chung sống cùng anh B; vợ chồng chấm dứt quan hệ, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng trên thực tế, cuộc sống chung của chị H, anh B chấm dứt từ khoảng tháng 6/2016 đến nay. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh B không có biện pháp hay việc làm gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa để trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H kiên quyết xin ly hôn anh B do đó Hội đồng xét xử thấy rằng khả năng chị H anh B về đoàn tụ chung sống là không còn; xử cho chị H ly hôn anh B là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

**[2] Về con chung:** Chị Lê Thị H và anh Phạm Văn B có 01 con chung là cháu Phạm Quang H1, sinh ngày 30/10/2011; hiện tại cháu đang ở với chị H. Mặc dù cả chị H, anh B đều có quan điểm muốn được nuôi cháu H1 và không yêu cầu bên kia phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu H1 ở với chị H từ khi anh chị sống ly thân đến nay; cháu H1 hiện đang học tại thị xã D nơi chị H đang làm việc, bản thân cháu cũng mong muốn được ở với chị H do vậy Hội đồng xét xử thấy giao chị H được tiếp tục nuôi cháu H1 là phù hợp với thực tế, đảm bảo sự ổn định, tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu H1. Bên cạnh đó xét việc chị H không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện; bản thân chị H có công việc cho thu nhập ổn định do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của chị H.

**[3] Về quan hệ tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Do chị Lê Thị H, anh Phạm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này anh chị xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**[5] Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Lê Thị H phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

**1. Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Phạm Văn B.**

**2. Về con chung:** Giao cháu Phạm Quang H1, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 cho chị H.

Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1.

**3. Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Lê Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2021/0000468 ngày 19/7/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Đỗ; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đặng Trần Anh Dũng**  
**(Đã ký)**